

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94** /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/3/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thuật

2. Ông Đỗ Quang Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/3/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 497/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị V**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn DX, xã DX, huyện GL, TP. Hà Nội

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987

HKTT : Xóm T, thôn TC, xã ĐT, huyện BV, TP. Hà Nội

Hiện đang tạm giữ: Tại đội K9 trại giam Công an tỉnh Phú Thọ

(*Chị V có mặt tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Phùng Thị V trình bày: tôi là Phùng Thị V có kết hôn với anh Nguyễn Văn T, có đăng ký kết hôn ngày 14/02/2011 tại UBND xã ĐT, BV, Hà Nội, lấy nhau tự nguyện tìm hiểu, sau khi cưới xong vợ chồng hạnh phúc được 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh T thường xuyên chơi bời, nhiều lần phạm tội, không chịu sửa sai lỗi lầm, đã nhiều lần tôi khuyên giải nhưng

anh không nghe mà vẫn tiếp tục phạm tội trộm cắp xe máy, đang phạm tội tại huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã ra Quyết định số 30/2021/QĐ-UTTA ngày 19/11/2020 về việc ủy thác thu thập chứng cứ, ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tại biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Phùng Thị V kết hôn với nhau ngày 14/02/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, BV, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện và kết hôn đúng pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và không xảy ra mâu thuẫn gì nên thật lòng anh không muốn ly hôn vì hạnh phúc gia đình sau này, vì cho tương lai của các con không phải chứng kiến cảnh bố mẹ đổ vỡ. Tuy nhiên chị Phùng Thị V vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn chị V, do anh đang vướng phải vòng lao lý.

Con chung: anh chị thừa nhận có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/01/2012 và cháu Nguyễn Thành G, sinh ngày 30/01/2016. Hiện hai cháu đang ở với chị V.

Quan điểm của chị Phùng Thị V xin được nuôi 2 cháu và không yêu cầu anh T trợ cấp nuôi con chung.

Quan điểm của anh Nguyễn Văn T đồng ý cho chị V được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 2 cháu cho đến khi thành niên, anh không phải cấp dưỡng nuôi con do điều kiện hiện tại của anh không cho phép. Tuy nhiên, khi anh có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con cái hoặc chị V không làm tròn trách nhiệm của người mẹ thì anh sẽ đề nghị “Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”.

Tài sản chung: Anh chị thừa nhận không có.

Tài sản riêng: Anh chị thừa nhận không có.

Công nợ: Anh chị thừa nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phùng Thị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/01/2012 và cháu Nguyễn Thành G, sinh ngày 30/01/2016. Chị V xin được tiếp tục nuôi 2 cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức; tài sản riêng; nợ chung: không có. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phùng Thị V và anh Nguyễn Văn T.

Áp dụng điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị V, cho chị Phùng Thị V

được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: có 2 cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/01/2012 và cháu Nguyễn Thành G, sinh ngày 30/01/2016. Giao cho chị V được tiếp tục nuôi 2 cháu L và G cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác, không đặt ra vấn đề trợ cấp nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức: không có. Về tài sản riêng, nợ chung: không có. Về án phí: chị Phùng Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phùng Thị V khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú xóm T, thôn TC, xã ĐT, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội. Do vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị V kết hôn với anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 14/02/201 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện BV, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T thấy rằng: Trong thời gian sống chung giữa hai anh chị có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh T thường xuyên chơi bời, nhiều lần phạm tội, không chịu sửa sai lỗi lầm, đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh không nghe mà vẫn tiếp tục phạm tội, vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn, Anh T không muốn ly hôn vì hạnh phúc gia đình sau này và vì tương lai của các con, tuy nhiên nếu chị V vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị Phùng Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 15/01/2012 và cháu Nguyễn Thành G, sinh ngày 30/01/2016. Quan điểm của chị V và anh T đồng ý để chị V được trực tiếp nuôi 2 cháu L và G. Vì vậy, HĐXX giao cho chị V được tiếp tục nuôi hai cháu Nguyễn Thành L và Nguyễn Thành G, đến khi các cháu tròn đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phùng Thị V không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, Công sức, tài sản riêng, nợ chung: Chị V và anh T trình bày xác nhận không có, nên HĐXX không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Phùng Thị V chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp thuận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị V.

- Cho chị Phùng Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn T

- Về con chung: Có 02 cháu Nguyễn Thành L – sinh 15 tháng 01 năm 2012 và cháu Nguyễn Thành G – sinh 30 tháng 01 năm 2016. Giao cho chị Phùng Thị V được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thành L và cháu Nguyễn Thành G đến khi hai cháu tròn đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, nợ chung: không có.

- Về án phí: Chị Phùng Thị V chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 11/11/2020 theo biên lai số 00431.

- Quyền kháng cáo: Án Hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, có mặt các đương sự. Chị Phùng Thị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- UBND xã ĐT
- Người tham gia tố tụng
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thu Hương

